

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **49/2020/KDTM-ST**

Ngày: 30/9/2020

V/v: *Tranh chấp hợp cung cấp bê
tông thương phẩm*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Bá Huynh

Bà Nguyễn Thị Thanh Hường

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Liên,
Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên
tòa:* Bà Lưu Thị Đáng Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 14/2020/TLST- KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng cung cấp bê tông thương phẩm*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐXXST- KDTM ngày 01 tháng 9 năm 2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2020/QĐST-DS ngày 18/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần sở hữu Th T

Địa chỉ ĐKKD: đường Đ, phường Tr, quận L, thành phố H.

VPGDL tòa nhà Nam C, đường Tổ H, phường Kh, quận Đ, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đông H – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Việt Hùng - Phó Tổng Giám đốc, theo Giấy ủy quyền ngày 20/11/2019 (Có mặt)

- Bị đơn: Công ty cổ phần Licogi Quảng Ng

Địa chỉ: Số Tr, phường Ph, thành phố Quảng Ng, tỉnh Quảng Ng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Th – Giám đốc (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 20/12/2019 và bản tự khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/7/2015, Công ty cổ phần Sở hữu Th T (sau đây gọi tắt là Th T) và Công ty cổ phần Licogi Quảng Ng (sau đây gọi tắt là Licogi Quảng Ng) ký Hợp đồng cung cấp bê tông thương phẩm số 18/2015/EVERNEW-LICOGI, theo đó Th T cung cấp bê tông thương phẩm cho Licogi Quảng Ng phục vụ thi công trong một số công trình.

Thực hiện hợp đồng, Th T đã cung cấp bê tông thương phẩm cho Licogi Quảng Ng làm nhiều đợt, từ tháng 7/2015 đến đợt cung cấp bê tông cuối cùng là tháng 4/2016, với tổng giá trị (đã bao gồm thuế GTGT là 10%) là 1.400.510.000 đồng.

Về thanh toán: Tính đến lần thanh toán cuối cùng của Licogi Quảng Ng vào ngày 03/01/2017, thì Licogi Quảng Ng đã thanh toán được tổng cộng số tiền là 1.320.612.000 đồng. Số tiền nợ gốc còn lại là 79.898.000 đồng. Kể từ đó đến nay, rất nhiều lần Th T gửi văn bản đối chiếu công nợ và đề nghị thanh toán nhưng Licogi Quảng Ng vẫn trốn tránh nghĩa vụ thanh toán, không phản hồi lại đề nghị thanh toán của Th T.

Vì vậy, Th T làm đơn khởi kiện ra Tòa với các yêu cầu khởi kiện như sau:

1/Yêu cầu Licogi Quảng Ng thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 79.898.000 đồng.

2/ Yêu cầu Licogi Quảng Ng pH chịu phạt vi phạm hợp đồng do chậm thanh toán là 45.278.000 đồng.

3/Yêu cầu Licogi Quảng Ng thanh toán tiền lãi trên số tiền chậm trả từ ngày 03/01/2017 đến ngày 03/12/2019 là 23.294.262 đồng.

Tổng cộng (làm tròn): (1) + (2) + (3) = 148.470.000 đồng.

Về phía bị đơn là Công ty cổ phần Licogi Quảng Ng:

Sau khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các văn bản tố tụng khác của Tòa án, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án làm việc và không có quan điểm về việc giải quyết vụ án, không có văn bản thể hiện quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- **Tại phiên tòa:**

- Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc Licogi Quảng Ng thanh toán cho Th T số tiền nợ gốc còn lại là 79.898.000 đồng; phạt vi phạm hợp đồng do chậm thanh toán là 45.278.000 đồng và thanh toán tiền lãi trên số tiền chậm trả từ ngày 03/01/2017 đến ngày 03/12/2019 là 23.294.262 đồng. Tổng cộng (làm tròn) là 148.470.000 đồng.

- Đại diện VKSND quận Nam Từ Liêm tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- + Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 204, 205 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- + Về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng giao kết giữa công ty Cổ phần Sở hữu Th T và Công ty cổ phần Licogi Quảng Ng được xác lập bằng văn bản và sự tự nguyện của các bên, nên đề nghị HĐXX căn cứ điều 30, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và điều 306 Luật thương mại chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên buộc bị đơn pH thanh toán cho nguyên đơn số tiền 79.898.000 đồng; số tiền chậm thanh toán là 45.278.000 đồng và tiền lãi từ ngày 03/01/2017 đến ngày 03/12/2019 là 23.294.262 đồng. Tổng cộng là 148.470.262 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Công ty cổ phần Sở hữu Th T và Công ty cổ phần Licogi Quảng Ng đều có đăng ký kinh doanh và ký Hợp đồng kinh tế về cung cấp bê tông thương phẩm nhằm mục đích lợi nhuận, khi xảy ra tranh chấp Công ty cổ phần Sở hữu Th T đã khởi kiện vụ án ra tòa, nên đây là vụ án kinh doanh thương mại, theo qui định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty cổ phần Sở hữu Th T có địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại: Số 20 đường Miếu Đàm, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Tại Hợp đồng cung cấp bê tông thương phẩm số 18/2015/EVERNEW-LICOGI ngày 08/7/2015, các bên cũng có thỏa thuận về việc lựa chọn TAND quận Nam Từ Liêm giải quyết tranh chấp (nếu có). Công ty Th T đã khởi kiện vụ án ra Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện:

Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/11/2016 có chữ ký của các bên, Công ty cổ phần Licogi Quảng Ng còn pH thanh toán cho Công ty cổ phần Sở hữu Th T 119.898.000 đồng. Ngày 03/01/2017, Công ty cổ phần Licogi Quảng Ng đã thanh toán thêm 40.000.000 đồng cho Công ty cổ phần Sở hữu Th T. Như vậy, tính đến ngày 03/01/2017, Công ty cổ phần Licogi Quảng Ng còn nợ Công ty cổ phần Sở hữu Th T số tiền gốc là 79.898.000 đồng. Tính đến ngày khởi kiện (20/12/2019) là nằm trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không có ý kiến, yêu cầu gì về thời hiệu, nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

- Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng và tổng đạt các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật, nhưng phía bị đơn vẫn không có mặt tại Tòa và cũng không có ý kiến, quan điểm gì về việc khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay, chỉ có người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt. Phía bị đơn cố tình trốn tránh. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

- Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là buộc Bị đơn pH thanh toán số nợ gốc 79.898.000 đồng của Hợp đồng cung cấp bê tông thương phẩm số 18/2015/EVERNEW-LICOGI ngày 08/7/2015, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 08/7/2015, giữa Công ty cổ phần Sở hữu Th T và Công ty cổ phần Licogi Quảng Ng đã ký kết hợp đồng kinh tế về việc cung cấp bê tông thương phẩm. Ngày 04/12/2015, các bên tiếp tục ký kết Phụ lục hợp đồng cung cấp bê tông thương phẩm số 18.1/2015/PLHD/LICOGI-EVERNEW điều chỉnh đơn giá

bê tông. Về hình thức và nội dung của Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng trên không trái pháp luật nên có hiệu lực. Công ty cổ phần Sở hữu Th T đã hoàn thành nội dung công việc theo hợp đồng. Các bên đã ký biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận rõ tổng giá trị còn nợ tính đến ngày 30/11/2016 là 119.898.000 đồng. Đến ngày 03/01/2017, Licogi Quảng Ng đã thanh toán thêm 40.000.000 đồng cho Th T. Như vậy, tính đến 03/01/2017, Licogi Quảng Ng còn nợ Th T số tiền gốc là 79.898.000 đồng. Do vậy yêu cầu đòi khoản **nợ gốc 79.898.000đồng** của Th T là có cơ sở nên được chấp nhận.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc Bị đơn pH chịu số tiền phạt vi phạm hợp đồng do chậm thanh toán là 45.278.000 đồng và thanh toán tiền lãi trên số tiền chậm trả từ ngày 03/01/2017 đến ngày 03/12/2019 là 23.294.262 đồng thì thấy rằng:

Tại điểm b khoản 1 Điều 7 của Hợp đồng có ghi: *“Nếu bên A thanh toán tiền hàng chậm cho bên B, bên A pH chịu lãi suất phát sinh đối với khoản tiền thanh toán chậm theo mức lãi suất quá hạn do NHNN Việt Nam công bố tại thời điểm chậm thanh toán...”*

Licogi Quảng Ng đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng mà hai bên giao kết, thanh toán chậm trễ cho Th T từ ngày 03/01/2017 đến nay, nên cần áp dụng quy định của pháp luật về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Điều 357. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó pH trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Các bên đã ký đối chiếu công nợ ngày 30/11/2016 và Licogi Quảng Ng chuyển thêm 40.000.000 đồng cho Th T vào ngày 03/01/2017. Do đó thời gian tính chậm trả theo Hợp đồng được tính từ ngày 04/01/2017, Công ty Th T chỉ yêu cầu tính thời gian chậm trả từ ngày 03/01/2017 đến ngày 03/12/2019, như vậy tổng thời gian chậm trả là 35 tháng, lãi chậm trả bằng: $79.898.000 \times 35 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 23.210.369 \text{ đồng}$.

Về án phí: Bị đơn pH chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà Nguyên đơn đã nộp.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điều 147, điều 227; điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 116, 117, 119, 275, 278, 280, 357, 468 Bộ luật dân sự ; Điều 297, 306 Luật thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Sở hữu Th T đối với Công ty cổ phần Licogi Quảng Ng.

Buộc Công ty cổ phần Licogi Quảng Ng pH thanh toán cho Công ty cổ phần Sở hữu Th T tổng số tiền là 148.386.369 đồng. Trong đó nợ gốc: 79.898.000 đồng; số tiền chậm thanh toán là 45.278.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 04/01/2017 đến ngày 03/12/2019 là 23.210.369 đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án dân sự của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Công ty cổ phần Licogi Quảng Ng pH chịu 7.419.318 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty cổ phần Sở hữu Th T số tiền 3.700.000 đồng tạm ứng án phí Công ty cổ phần Sở hữu Th T đã nộp theo biên lai số 0009191 ngày 06/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

3. Quyền kháng cáo : Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :

- TAND Thành phố HN.
- VKS Q.Nam Từ Liêm, VKS Hà Nội.
- Thi hành án dân sự Q.Nam Từ Liêm.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.
- Lưu văn phòng.

Phan Thị Kim Thanh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa